

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-9-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Triệu Thị Mới

Ông Đoàn Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018 ngày 17/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm 6 GPh, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Cụm 7, GPh, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Bị đơn: Anh Vũ Minh T; nơi cư trú: Cụm 6 GPh, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 25/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc

được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân cũng như trong quản lý kinh tế nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Minh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vũ Trung Hiếu K, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2005 và Vũ Trân Bảo Ng, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Trân Bảo Ng còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Trung Hiếu K. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 03/5/2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Vũ Minh T trình bày:

Anh xác nhận về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa anh và chị H là do bất đồng quan điểm sống, chị H là người vợ không chung thủy, vợ chồng không hợp nhau về tâm sinh lý cũng như bất đồng trong quản lý kinh tế nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã xúc phạm nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải và bản thân anh đã cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Vũ Trung Hiếu K, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2005 và Vũ Trân Bảo Ng, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010. Theo nguyện vọng của cháu Ng muốn ở với anh nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và theo nguyện vọng của cháu K muốn ở với chị H nên chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị H xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của

nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh T.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Vũ Trung Hiếu K, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và giao con chung là Vũ Trân Bảo Ng, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh T xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị H và bị đơn là anh Vũ Minh T có nơi cư trú tại huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần 1 có đơn xin hoãn phiên tòa, tại phiên tòa lần 2 có mặt. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Vũ Minh T đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Như vậy, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 28/02/2005. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, bất đồng trong làm ăn kinh tế cũng như không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị H xin ly hôn, anh T đồng ý, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt, vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh T.

[5] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Vũ Trung Hiếu K, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2005 và Vũ Trân Bảo Ng, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Trân Bảo Ng. Xét chị H và anh T đều có việc làm, có thu nhập, xét nguyện vọng của con chung Vũ Trung Hiếu K muốn được ở cùng với chị H và con chung Vũ Trân Bảo Ng muốn được ở cùng với anh T và để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung cũng như điều kiện chăm sóc giáo dục con chung của cả chị H và anh T. Nên, việc giao con chung là Vũ Trung Hiếu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Vũ Trân Bảo Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của cả chị H và anh T và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Vũ Trung Hiếu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Vũ Trân Bảo Ng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh T xin tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Trung Hiếu K, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và giao con chung là Vũ Trân Bảo Ng, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0015991 ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh